

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

**NGUYỄN HỒNG NHUNG**

**AN SINH XÃ HỘI  
TRÊN VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển**

**Mã: 9.31.01.05**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**Hà Nội, 2023**

**Công trình được hoàn thành tại:  
Viện Chiến lược phát triển**

**Người hướng dẫn khoa học: GS. TSKH. Nguyễn Quang Thái**

**Phản biện 1: PGS.TS Lê Xuân Bá**

**Phản biện 2: PGS.TS Bùi Quang Tuấn**

**Phản biện 3: GS.TS Trịnh Duy Luân**

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sỹ cấp Viện,  
họp tại Viện Chiến lược phát triển vào hồi 9h ngày 10 tháng 11 năm 2023.

Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia Việt Nam và  
Thư viện Viện Chiến lược phát triển

## MỞ ĐẦU

An sinh xã hội (ASXH) là một trong những mục tiêu quan trọng của Đảng và Nhà nước trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, việc đảm bảo ASXH được đề cập toàn diện, xuyên suốt trong hệ thống quan điểm, chính sách của Đảng ta. Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 đã đặt ra mục tiêu: *“Đến năm 2020, cơ bản bảo đảm ASXH toàn dân, bảo đảm mức tối thiểu về thu nhập, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin, truyền thông, góp phần từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của nhân dân”*. Tại văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII tiếp tục xác định đây là một lĩnh vực quan trọng trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của đất nước. Đại hội XIII của Đảng đã xác định: *“Chú trọng nâng cao phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, tiếp tục bảo đảm những nhu cầu cơ bản, thiết yếu của nhân dân về nhà ở, đi lại, giáo dục, y tế, việc làm...”*, góp phần nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của mọi thành viên trong xã hội.

ASXH là quyền cơ bản của mỗi công dân, là mục tiêu đảm bảo đời sống ổn định chính trị xã hội, là thước đo quan trọng phản ánh trình độ phát triển bền vững của đất nước, những thành quả ASXH đạt được sẽ góp phần hiện thực hóa quan điểm lấy con người là trung tâm và “không ai bị bỏ lại phía sau” trong quá trình phát triển. Bởi vậy, phát triển hệ thống ASXH toàn diện cũng chính là góp phần phát triển kinh tế, phát triển đất nước, là trọng trách của toàn hệ thống chính trị và trách nhiệm của toàn xã hội.

Ở góc độ kinh tế phát triển, ASXH hội gắn liền với mục tiêu ổn định xã hội, một vẻ quyết định của mối quan hệ phát triển - ổn định và ổn định – phát triển. Bên cạnh đó, ASXH và tăng trưởng kinh tế (TTKT) có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, góp phần tác động tới kinh tế phát triển và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên cơ sở đảm bảo công bằng xã hội, TTKT cao và bền vững. ASXH tác động tích cực đến sự ổn định và phát triển kinh tế, mang đến trạng thái an toàn trước những rủi ro biến cố, giảm sức ép đối với nền kinh tế đang phát triển. Tuy nhiên, mối quan hệ này ở mỗi vùng khác nhau lại mang các sắc thái khác nhau, phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế, mức thu nhập và đặc thù tự nhiên – xã hội...

Vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) Bắc bộ là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật của cả nước, là tâm điểm hội tụ nguồn lực và nguyên khí quốc gia, địa bàn hội nhập và giao thương, đồng thời là hạt nhân phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước, đóng vai trò đầu tàu trong việc nâng cao vị thế của Việt Nam trong cộng đồng ASEAN và trên trường quốc tế. Từ những năm gần đây, vùng KTTĐ Bắc bộ đã được xây dựng và trở

thành một “*cực tăng trưởng*”, là một cực phát triển dẫn đầu cả nước về phát triển kinh tế, thực hiện tái cấu trúc kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Do đó mức sống dân cư tại vùng KTTĐ Bắc bộ luôn cao hơn mức trung bình chung của cả nước, kinh tế phát triển và TTKT đã giúp cho việc thực thi chính sách ASXH đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, cũng như nhiều vùng khác của cả nước, trong nội bộ vùng KTTĐ Bắc bộ cũng vẫn có những sự chênh lệch về nhu cầu đảm bảo ASXH, vẫn còn tồn tại những hộ nghèo và hộ cận nghèo, hệ thống chính sách ASXH nói chung và việc thực thi chính sách ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ cũng bộc lộ nhiều bất cập cần được khắc phục và hoàn thiện: đặc biệt là chưa có thể chế và các quy chế về ASXH cho riêng vùng KTTĐ Bắc bộ, thiếu sự phối hợp giữa các ngành và địa phương trong vấn đề ASXH, ngân sách để thực hiện ASXH còn hạn chế. Hơn nữa, qua đại dịch COVID-19 càng thấy được rõ sự lúng túng trong công tác đảm bảo các thành tố trong hệ thống ASXH về bảo hiểm, y tế, việc làm, các dịch vụ xã hội cơ bản,... khi người dân gặp biến cố lúc dịch bệnh xảy ra: hàng loạt công nhân bị nghỉ việc do các nhà máy, xí nghiệp trên vùng KTTĐ Bắc bộ phải thực hiện giãn cách xã hội, những đối tượng yếu thế rơi vào những hoàn cảnh rủi ro ngày càng khó khăn. Quá trình hội nhập quốc tế dẫn đến những áp lực cạnh tranh gay gắt trong cung ứng nguồn nhân lực, việc làm, sự di chuyển lao động đặt ra nhiều vấn đề cần được giải quyết đối với hệ thống ASXH trên vùng. Bối cảnh mới cũng tác động rất nhiều tới các doanh nghiệp FDI trên vùng khi bị cắt giảm đơn hàng cũng ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của người dân, khiến cho việc đảm bảo ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ ngày càng trở lên cấp thiết hơn.

Những bất cập trên vừa phụ thuộc vào tình hình kinh tế chung, vừa phản ánh việc thiếu nghiên cứu đầy đủ các vấn đề lý luận và thực tiễn của ASXH. Có thể thấy, nghiên cứu về ASXH không phải là vấn đề mới ở Việt Nam. Tuy nhiên, ASXH lại một vấn đề còn nhiều tranh cãi, chưa thống nhất về mặt lý luận tại Việt Nam cũng như các nước trên thế giới, đặc biệt là việc chưa làm rõ và thống nhất về khái niệm và các thành tố cấu thành ASXH. Do vậy, cần một nghiên cứu mang tính kế thừa và cập nhật và làm sáng tỏ hơn so với các nghiên cứu từ trước tới nay về ASXH. Cho đến nay, không có nhiều nghiên cứu về ASXH trong phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, có thể nói chưa có một nghiên cứu nào hệ thống toàn diện các mặt lý luận và thực tiễn về ASXH, mối quan hệ giữa ASXH và TTKT để giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn của một vùng KTTĐ của đất nước. Hơn nữa, cũng chưa có luận án nào chủ đề về ASXH vùng dưới góc nhìn chuyên ngành Kinh tế phát triển.

Chính vì tầm quan trọng và những khó khăn, thách thức còn tồn tại trong vấn đề trên, nghiên cứu sinh (NCS) lựa chọn đề tài “*An sinh xã hội trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ*” làm chủ đề nghiên cứu của luận án, nhằm góp phần hoàn thiện và hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về ASXH, đi sâu phân tích mối quan hệ giữa ASXH và TTKT, đồng thời đưa ra một số giải pháp tăng cường ASXH trên vùng KTTĐ của đất nước trong phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH).

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, phân tích thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng tới ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ, mối quan hệ giữa TTKT và ASXH, luận án đề xuất một số quan điểm và giải pháp tăng cường ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ trong giai đoạn 2023 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

*Một là*, hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về ASXH.

*Hai là*, đánh giá thực trạng và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ. Phân tích mối quan hệ giữa TTKT và ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ trong giai đoạn 2010-2021 như một cực tăng trưởng.

*Ba là*, đề xuất định hướng và một số giải pháp nhằm tăng cường ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ thích ứng với bối cảnh mới trong giai đoạn 2023-2030 và triển vọng tầm nhìn đến năm 2045.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Vấn đề an sinh xã hội trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Việt Nam.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- *Về nội dung*: Trong phạm vi luận án, NCS tập trung vào các nội dung chính như sau:

(i) Vấn đề lý luận và thực tiễn về ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ: luận án nghiên cứu năm thành tố của ASXH bao gồm: bảo hiểm; trợ giúp xã hội và giảm nghèo; lao động và việc làm; các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu đãi xã hội. Trong đó, luận án phân tích khía cạnh vật chất và chủ thể hoạt động của ASXH là Nhà nước (cả trung ương và địa phương). Do thiếu hệ thống dữ liệu minh họa đầy đủ nên các khía cạnh tinh thần và chủ thể là người dân, tổ chức xã hội hay doanh nghiệp chỉ được đề cập hạn chế ở những điểm có liên quan.

(ii) **Mối quan hệ giữa ASXH và TTKT:** luận án phân tích mối quan hệ giữa ASXH và TTKT từ góc nhìn kinh tế phát triển. Do giới hạn quy mô của luận án và những hạn chế nhất định khi tiếp cận số liệu, nên trong luận án này NCS chủ yếu tập trung vào xác định một số tiêu chí đánh giá tương quan giữa ASXH (qua các thành tố: bảo hiểm; lao động và việc làm; giảm nghèo) và TTKT.

- *Về không gian:* Nghiên cứu ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ và so sánh đối chiếu với các vùng KTTĐ trong cả nước, có phân tích bài học kinh nghiệm về ASXH vùng của Trung Quốc và Thái Lan.

- *Về thời gian:* Tập trung phân tích chủ yếu trong giai đoạn 2010 – 2021 (năm 2010 là năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh theo Thông tư 02/2012/TT-BKHĐT), một số bảng biểu cập nhật số liệu đến năm 2022; đề xuất giải pháp nhằm tăng cường ASXH trên vùng KTTĐ giai đoạn 2023 – 2030 (năm hoàn thành mục tiêu 100 năm thành lập ĐCS Việt Nam), tầm nhìn đến năm 2045 (năm hoàn thành mục tiêu 100 năm thành lập đất nước).

#### **4. Câu hỏi nghiên cứu**

- (1) Những vấn đề lý luận và kinh nghiệm quốc tế về ASXH?
- (2) Thực trạng ASXH vùng KTTĐ Bắc bộ giai đoạn 2010 – 2021 như thế nào?
- (3) Quan điểm và giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ?

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

##### **5.1. Cách tiếp cận nghiên cứu**

Luận án triển khai nghiên cứu từ các cách tiếp cận chủ yếu sau:

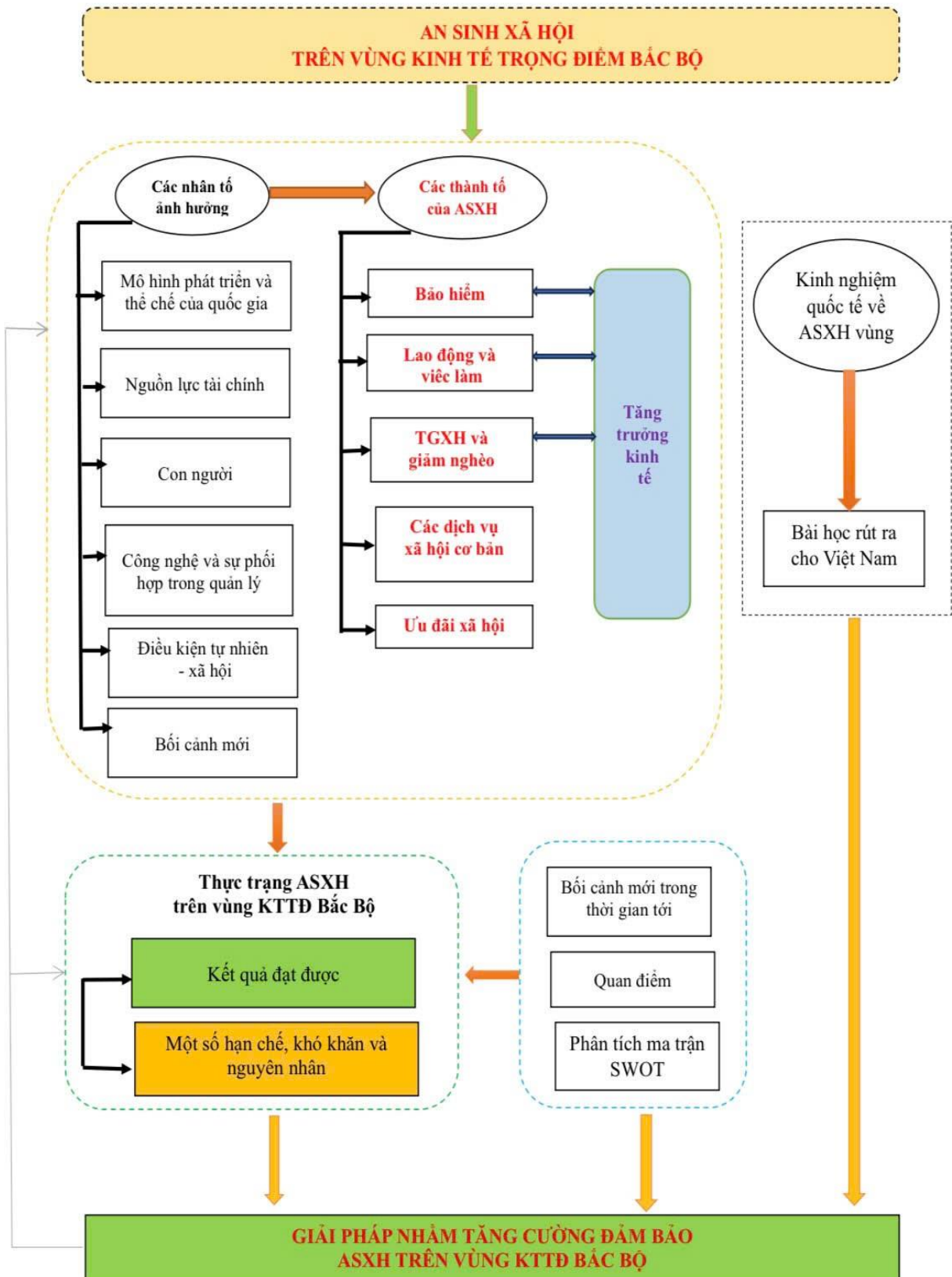
- (1) *Tiếp cận từ lý thuyết*
- (2) *Tiếp cận đa ngành, liên ngành*
- (3) *Tiếp cận hệ thống - cấu trúc*
- (4) *Tiếp cận lịch sử*

##### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- (1) *Phương pháp thu thập, phân loại, xử lý nguồn tài liệu thứ cấp*
- (2) *Phương pháp phân tích, thống kê, so sánh*
- (3) *Phương pháp phân tích chính sách*
- (4) *Phương pháp phân tích SWOT*
- (5) *Phương pháp phỏng vấn chuyên gia*

### 5.3. Khung phân tích nghiên cứu



## **6. Đóng góp mới của luận án**

### **6.1. Về lý luận và học thuật**

Luận án nghiên cứu ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ đã góp phần hệ thống hoá và nghiên cứu làm sâu thêm cơ sở lý luận về ASXH và phát triển vùng; luận án đã chỉ ra khái niệm về ASXH, đặc điểm của ASXH, 05 thành tố cấu trúc, chức năng, nguyên tắc, vai trò và nhân mạnh mối quan hệ giữa ASXH và TTKT dưới góc nhìn kinh tế phát triển; từ đó xác định một số tiêu chí nhằm đánh giá tương quan ASXH với TTKT trong phát triển kinh tế vùng. Bên cạnh đó, luận án đã trình bày các nhân tố ảnh hưởng đến ASXH (gồm 06 nhân tố: mô hình phát triển và thể chế của quốc gia; nguồn lực tài chính; con người; công nghệ và sự phối hợp trong quản lý; điều kiện tự nhiên- xã hội; bối cảnh mới).

### **6.2. Về thực tiễn**

Luận án đã phân tích kinh nghiệm thực tiễn về ASXH vùng của Trung Quốc và Thái Lan, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Luận án đã đánh giá khách quan thực trạng ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ qua 05 thành tố và mối quan hệ giữa ASXH và TTKT đặc biệt trong giai đoạn 2010-2021 và thời gian qua như một cực tăng trưởng. Xác định những kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân cũng như các nhân tố tác động tới ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ. Luận án phân tích về bối cảnh mới; sử dụng phương pháp phân tích SWOT để thấy rõ điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ. Từ đó, luận án đã đưa ra 03 quan điểm về ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ, 06 nhóm giải pháp chung cho ASXH và 05 giải pháp cụ thể tương ứng với 05 thành tố của ASXH nhằm tăng cường đảm bảo ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, Luận án gồm 04 chương như sau:

*Chương 1:* Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

*Chương 2:* Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về an sinh xã hội

*Chương 3:* Thực trạng an sinh xã hội trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ

*Chương 4:* Quan điểm và giải pháp tăng cường an sinh xã hội trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ



# CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

Liên quan trực tiếp tới chủ đề luận án, NCS sẽ tiến hành tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước theo 02 tuyến vấn đề như sau: Một là, các công trình nghiên cứu về ASXH; Hai là, các công trình nghiên cứu về phát triển vùng.

## **1.1. Các công trình nghiên cứu về An sinh xã hội**

Trong những năm gần đây, ASXH là một trong những lĩnh vực được các nhà nghiên cứu cả trong và ngoài nước quan tâm.

### **1.1.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài**

- (1) Về lý luận ASXH
- (2) Về thực tiễn và các giải pháp phát triển ASXH

### **1.1.2. Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam**

Ở Việt Nam, cũng có không ít công trình nghiên cứu liên quan tới lĩnh vực ASXH. Các nghiên cứu ở Việt Nam đều có ý tưởng chung là Nhà nước cần có sự can thiệp thông qua những chủ trương, chính sách và biện pháp để đảm bảo ASXH gắn với phát triển kinh tế, giúp người dân có thể tham gia vào hệ thống ASXH, được hưởng lợi ASXH thông qua phân phối và phân phối lại kết quả phát triển.

- (1) Về lý luận ASXH
- (2) Về thực tiễn và các giải pháp phát triển ASXH
- (3) Các luận án về ASXH

## **1.2. Các công trình nghiên cứu về phát triển vùng**

Trong luận án, NCS tiếp cận vùng dưới góc độ vùng kinh tế.

### **1.2.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài**

- (1) Vấn đề cực tăng trưởng
- (2) Vùng kinh tế trọng điểm
- (3) Về phát triển vùng ở một số quốc gia

### **1.2.2. Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam**

- (1) Vấn đề cực tăng trưởng
- (2) Vùng kinh tế trọng điểm
- (3) Về phát triển vùng ở Việt Nam

## **1.3. Khoảng trống nghiên cứu và định hướng nghiên cứu của luận án**

### **1.3.1. Khoảng trống nghiên cứu**

Qua việc tổng quan các công trình nghiên cứu nêu trên, luận án xác định những nội dung có thể kế thừa và phát triển, những nội dung đã nghiên cứu nhưng còn cần được tiếp tục nghiên cứu thêm hoặc còn chưa được nghiên cứu tới. Có thể thấy rằng có rất nhiều công

trình khoa học nghiên cứu về ASXH cũng như nghiên cứu về phát triển vùng. Việc nghiên cứu đề tài “*ASXH trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ*” có thể kế thừa được nguồn tư liệu hết sức đa dạng và phong phú với nhiều gợi mở mang ý nghĩa tham khảo. Về cơ bản, những nghiên cứu này đã đề cập được một số nội dung lý luận và thực tiễn về ASXH cũng như về phát triển kinh tế vùng.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, các sự vật, hiện tượng luôn đặt ra những vấn đề mới cần giải quyết nên đòi hỏi nhận thức của con người cũng luôn tìm tòi, phát triển đáp ứng tốt hơn những yêu cầu cuộc sống đặt ra. ASXH là một vấn đề có nội hàm rất rộng và có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, nhất là trong bối cảnh mới. Do đó, vẫn còn có *một số khoảng trống nghiên cứu* như sau:

*Một là*, các nghiên cứu kinh tế vùng khá tốt nhưng vấn đề ASXH của vùng chưa được trình bày rõ; vấn đề vùng và kinh tế vùng ở Việt Nam còn chưa có quy định thể chế chặt chẽ nên ASXH của vùng còn chưa được chú ý đúng mức;

*Hai là*, đối với vấn đề thực thi chính sách ASXH, các nghiên cứu đã có trình bày vấn đề trên một diện khá rộng; khái niệm về ASXH trong các nghiên cứu cũng rất khác nhau, chưa có phạm vi nghiên cứu thống nhất;

*Ba là*, thiếu các nghiên cứu mang tính hệ thống về mối quan hệ giữa ASXH và TTKT thích ứng với điều kiện cụ thể của từng địa phương;

*Bốn là*, cho đến nay có thể thấy chưa có luận án nào hoặc có rất ít luận án nghiên cứu về ASXH dưới góc độ chuyên ngành kinh tế phát triển.

### **1.3.2. Định hướng nghiên cứu của luận án**

Sau khi xác định được khoảng trống nghiên cứu, luận án sẽ tập trung vào các vấn đề như sau:

*Một là*, luận án nghiên cứu sâu hơn về phạm vi và nội hàm của ASXH để có những so sánh và đối chiếu thích hợp giữa các vùng KTTĐ trong cả nước.

*Hai là*, luận án tập trung vào vấn đề ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ và chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng và những khó khăn vướng mắc trong việc thực thi chính sách ASXH ở vùng KTTĐ Bắc bộ.

*Ba là*, luận án nghiên cứu mối quan hệ giữa ASXH và TTKT vùng KTTĐ Bắc bộ giai đoạn 2010 – 2021 và đặc biệt trong bối cảnh mới.

*Bốn là*, luận án kiến nghị và đề xuất một số giải pháp tăng cường ASXH trên vùng KTTĐ Bắc Bộ trong giai đoạn 2023-2030 và tầm nhìn 2045.

## **CHƯƠNG 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ AN SINH XÃ HỘI**

Với đề tài “*An sinh xã hội trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ*”, luận án tập trung nghiên cứu vấn đề ASXH, còn “trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ” được coi là địa bàn nghiên cứu. Vấn đề ASXH trên vùng KTTĐ phải phù hợp với tầm nhìn, chiến lược, định hướng và các chính sách liên quan tới ASXH được thực hiện trong cả nước. Chương này sẽ tập trung phân tích cơ sở lý luận về ASXH, chỉ rõ khái niệm ASXH sẽ được sử dụng trong luận án, đặc điểm, 05 thành tố cấu trúc, chức năng, nguyên tắc, vai trò của ASXH, mối quan hệ giữa ASXH và TTKT cùng với một số tiêu chí đánh giá, các nhân tố ảnh hưởng tới ASXH. Cuối cùng, luận án sẽ phân tích kinh nghiệm phát triển ASXH vùng của Trung Quốc và Thái Lan để rút ra bài học cho ASXH vùng của Việt Nam.

### **2.1. Những vấn đề lý luận về an sinh xã hội**

#### **2.1.1. Khái niệm an sinh xã hội**

Với tất cả các quan điểm về định nghĩa ASXH trong các nghiên cứu, có thể thấy rằng chưa có khái niệm thống nhất về ASXH và cũng chưa có khái niệm riêng cho ASXH của một vùng.

Căn cứ vào tình hình và điều kiện của Việt Nam, trong luận án này, NCS sẽ phân tích vấn đề ASXH theo khái niệm như sau: “*An sinh xã hội là sự bảo vệ của Nhà nước và xã hội nhằm nâng cao năng lực cho các thành viên trong xã hội khi gặp những rủi ro, biến cố trong cuộc sống giúp họ đảm bảo về mức sống tối thiểu, thu nhập, sức khỏe, thông qua các biện pháp công cộng như: Bảo hiểm; lao động và việc làm; trợ giúp xã hội và giảm nghèo; tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản. Đồng thời, ưu đãi các thành viên có những cống hiến cho sự nghiệp cách mạng và đất nước*”. Và khái niệm này sẽ được sử dụng trên vùng KTTĐ Bắc bộ trong luận án vì như đã giải thích ở trên, vùng KTTĐ Bắc bộ nằm trong lãnh thổ Việt Nam, thi hành theo đường lối chính sách của Đảng và nhà nước Việt Nam.

#### **2.1.2. Đặc điểm của an sinh xã hội**

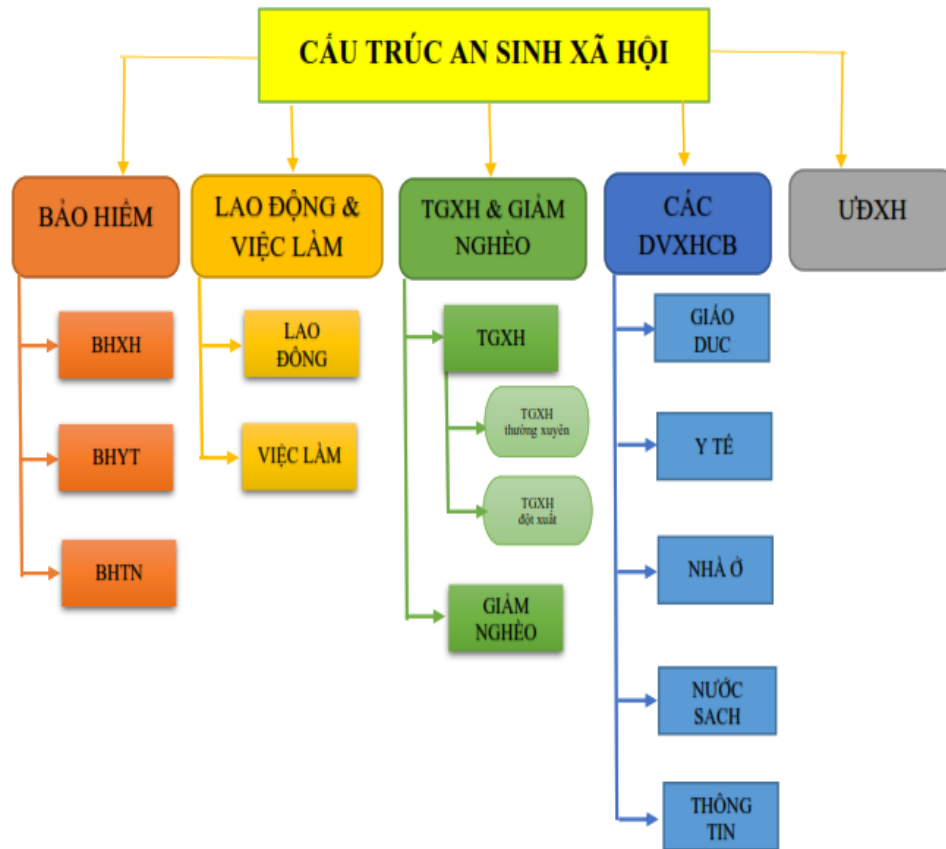
*Một là*, có sự bảo vệ của nhà nước và xã hội nhằm nâng cao năng lực cho các thành viên trong xã hội khi gặp những rủi ro, biến cố trong cuộc sống giúp họ đảm bảo về thu nhập, sức khỏe, mức sống tối thiểu giúp những nhóm người yếu thế hay bị tổn thương “không bị bỏ lại phía sau”.

*Hai là*, ASXH được xây dựng dựa trên cơ sở chuẩn mức sống tối thiểu cho các thành viên trong xã hội khi gặp những rủi ro, biến cố trong cuộc sống

*Ba là*, mọi thành viên trong xã hội đều được tham gia vào hệ thống ASXH.

Bốn là, ASXH góp phần phát triển con người, TTKT và chia sẻ sự phồn vinh, phát triển đất nước. Đồng thời, ưu đãi các thành viên trên vùng có những cống hiến cho sự nghiệp cách mạng và đất nước đã qua.

**2.1.3. Cấu trúc của an sinh xã hội**



**2.1.4. Chức năng của an sinh xã hội**

Thứ nhất, chức năng phòng ngừa rủi ro

Thứ hai, chức năng giảm thiểu rủi ro

Thứ ba, chức năng khắc phục rủi ro

**2.1.5. Nguyên tắc của an sinh xã hội**

Thứ nhất, nguyên tắc nhân văn

Thứ hai, nguyên tắc tương trợ

Thứ ba, nguyên tắc bình đẳng

**2.1.6. Vai trò của an sinh xã hội**

Thứ nhất, ASXH là giá đỡ đa tầng linh hoạt trong phát triển kinh tế

Thứ hai, ASXH là một công cụ quản lý nhà nước

Thứ ba, ASXH thể hiện truyền thống đoàn kết và tinh thần nhân đạo cao đẹp của cộng đồng

**2.2. Mối quan hệ giữa an sinh xã hội và tăng trưởng kinh tế**

Mối quan hệ giữa ASXH và TTKT là mối quan hệ tương tác hai chiều.

### **2.2.1. An sinh xã hội thúc đẩy tăng trưởng kinh tế**

### **2.2.2. Tăng trưởng kinh tế là điều kiện để mở rộng an sinh xã hội**

## **2.3. Một số tiêu chí đánh giá tương quan giữa an sinh xã hội và tăng trưởng kinh tế**

Do quy mô của luận án và những hạn chế về mặt tiếp cận số liệu, nên trong mục này, luận án chỉ xác định một số tiêu chí tiêu biểu đánh giá tương quan của mối quan hệ giữa ASXH và TTKT qua góc nhìn của kinh tế phát triển, cụ thể như sau:

### **2.3.1. Bảo hiểm và tăng trưởng kinh tế**

Công thức tính tỷ lệ BH/GRDP như sau:

$$\text{Tỷ lệ BH/GRDP} = \frac{\text{Tổng chi BH của địa phương}}{\text{Tổng sản phẩm nội địa GRDP của địa phương}}$$

Có thể thấy rằng, tỉnh/thành quy mô lớn có tổng thu/chi bảo hiểm lớn, nhưng tỉnh/thành đó cũng có GRDP lớn. Tuy nhiên nếu so sánh tỷ lệ BH/GRDP giữa các địa phương, thì độ xa cách giữa các địa phương giảm hẳn, dễ so sánh và tìm ra quy luật. Từ đó, sẽ phân tích động thái của tỷ lệ này cho các địa phương, khi xét tương quan với TTKT. Bên cạnh đó, có thể đánh giá tác động của bảo hiểm đến TTKT thông qua tính độ co giãn của TTKT với bảo hiểm, đó là quy mô chi BHXH tăng trưởng 1% thì GDP tăng lên bao nhiêu %.

### **2.3.2. Lao động, việc làm và tăng trưởng kinh tế**

#### **2.3.2.1. Chỉ tiêu về năng suất lao động**

Công thức tính NSLĐ trong một địa phương, vùng lãnh thổ như sau:

$$\text{Năng suất lao động} = \frac{\text{Tổng sản phẩm nội địa vùng GRDP}}{\text{Tổng số người làm việc bình quân}}$$

#### **2.3.2.2. Bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng kinh tế**

- Hệ số GINI về bất bình đẳng phân phối thu nhập

Hệ số GINI được xác định là:

$$G = \frac{A}{(A + B)}$$

Trong đó: G là hệ số GINI, A là diện tích giữa đường bình đẳng tuyệt đối và đường Lorenz và B là phần diện tích bên dưới đường cong Lorenz.

Bên cạnh đó, bất quân bình thu nhập còn được đánh giá bằng các chỉ số:

+ *Tỷ lệ A40*: Tỷ lệ thu nhập của 40% dân số có thu nhập thấp nhất so tổng thu nhập của toàn bộ dân số. Đây là chỉ số mà WB thường hay sử dụng để đánh giá tình trạng nghèo ở các nước. Tỷ lệ này khoảng 17% là trung bình, tỷ lệ càng lớn hơn 17% cho thấy việc phân

phối thu nhập được phân phối tốt hơn cho người nghèo, yếu thế trong xã hội. Một chiều hướng ngược lại phản ánh phân phối thu nhập bất quân bình cao, cần có giải pháp cải thiện.

+ *Tỷ lệ B = R5/R1*: Đây là tỷ lệ giữa tổng thu nhập của nhóm 20% giàu nhất R5 và tổng thu nhập của nhóm 20% nghèo nhất R1 (hoặc thu nhập bình quân một người hằng tháng vì đều dựa vào thu nhập cho 20% dân số). Tỷ lệ này được sử dụng để đánh giá bất quân bình thu nhập một cách đơn giản qua việc phân chia ra 5 Nhóm thu nhập 20% dân số. Khi phạm vi so sánh rộng hơn thì khoảng cách chênh lệch tăng thêm.

### **2.3.3. Giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế**

Để đánh giá được tác động của giảm nghèo đến TTKT có thể tính độ co giãn của TTKT với giảm nghèo. Chỉ tiêu này là định lượng được tác động và cho biết được xu hướng tác động của giảm nghèo đến TTKT là tích cực hay tiêu cực.

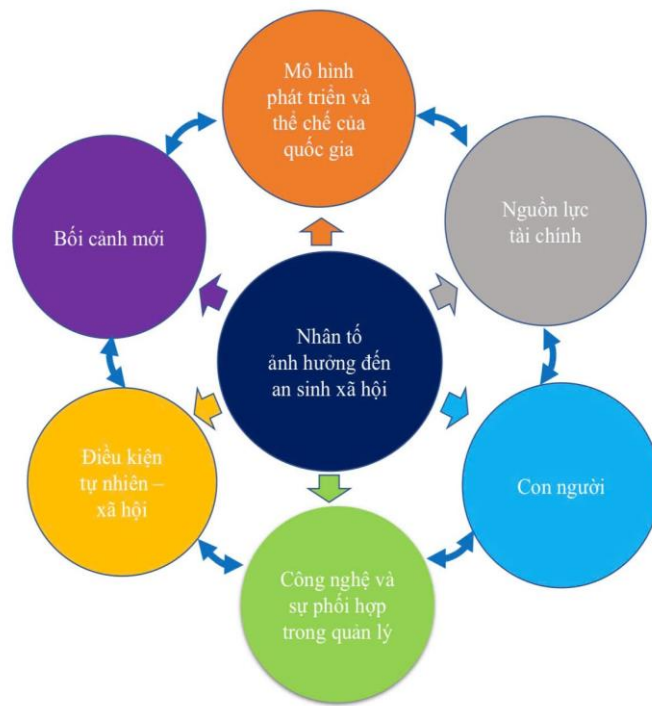
*Công thức tính độ co giãn như sau:*

$$\frac{\text{Hệ số co giãn của tăng trưởng kinh tế}}{\text{đối với đói nghèo}} = \frac{\% \Delta \text{ tỷ lệ thu nhập bình quân}}{\% \Delta \text{ đói nghèo}}$$

Việc tính toán độ co giãn có thể cho kết quả âm cũng có thể cho kết quả dương và kết quả này sẽ không ổn định theo thời gian: (i) Nếu độ co giãn là dương cho thấy tỷ lệ nghèo và tốc độ tăng trưởng cùng chiều, thể hiện khi tỷ lệ nghèo tăng sẽ kéo theo tốc độ tăng trưởng tăng, và ngược lại khi tỷ lệ đói nghèo giảm kéo theo tốc độ tăng trưởng giảm. (ii) Nếu độ co giãn là âm cho thấy tỷ lệ nghèo và tốc độ tăng trưởng là ngược chiều nhau, trong trường hợp này tỷ lệ đói nghèo giảm sẽ làm giúp cho tăng trưởng kinh tế của quốc gia tăng lên và ngược lại. Trong trường hợp tốc độ tăng trưởng vượt qua tốc độ giảm nghèo (độ co giãn vượt - 1), thể hiện giảm nghèo thay đổi ngày càng tích cực tới tăng trưởng. Một số trường hợp đặc biệt: Tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân và tốc độ giảm tỷ lệ nghèo ngang nhau (độ co giãn bằng - 1); độ co giãn bằng 0 tức là tốc độ tăng trưởng không co giãn theo tỷ lệ nghèo, điều đó có nghĩa tốc độ tăng trưởng không ảnh hưởng đến tỷ lệ nghèo; Trong trường hợp tốc độ giảm nghèo thấp hơn tốc độ tăng trưởng, tăng trưởng làm thay đổi phân phối thu nhập theo hướng bất bình đẳng hơn, cho nên tỷ lệ nghèo có giảm nhưng ít hơn (độ co giãn ở giữa 0 và -1).

### **2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến ASXH trên vùng KTTĐ**

Trong nghiên cứu của mình, luận án đưa ra 06 nhân tố ảnh hưởng đến ASXH trên vùng KTTĐ: mô hình phát triển và thể chế của quốc gia; nguồn lực tài chính; con người; công nghệ và sự phối hợp trong quản lý; điều kiện tự nhiên- xã hội; bối cảnh mới



## 2.5. Kinh nghiệm quốc tế về an sinh xã hội vùng và bài học cho Việt Nam

Kinh nghiệm về ASXH trên thế giới rất đa dạng, phụ thuộc vào thể chế mỗi quốc gia. Thực tế cho thấy, mỗi quốc gia khác nhau do có sự khác biệt về mô hình phát triển và thể chế, kinh tế, điều kiện tự nhiên,... dẫn đến ASXH là khác nhau.

Luận án tập trung nghiên cứu kinh nghiệm ASXH vùng của hai nước khu vực châu Á là Trung Quốc và Thái Lan. Đây cũng là những quốc gia có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa với Việt Nam, được coi là những ví dụ mà Việt Nam có thể học hỏi, chia sẻ và so sánh.

Bài học kinh nghiệm ASXH vùng cho Việt Nam:

- *Một là*, thành quả ASXH phụ thuộc vào toàn bộ thể chế quản trị quốc gia và những đặc thù. Ổn định chính trị là điều kiện để thực thi ASXH hiệu quả nhất.
- *Hai là*, ASXH vùng phụ thuộc vào sự kết hợp nguồn lực đa dạng, kể cả xã hội hóa và tài trợ quốc tế
- *Ba là*, thành quả ASXH phụ thuộc vào sự đa dạng của các quy định về ASXH, bao quát các lĩnh vực đa dạng, nhất là chính sách với lớp người “yếu thế”.
- *Bốn là*, ASXH vùng gắn liền với TTKT vùng, TTKT vùng và ASXH vùng đều vì sự phát triển con người, chủ thể của quá trình phát triển
- *Năm là*, bài học kinh nghiệm về đối mặt với vấn đề già hóa dân số của Trung Quốc

## **CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG AN SINH XÃ HỘI TRÊN VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ**

### **3.1. Khái quát chung về vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ**

#### ***3.1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ***

Vùng KTTĐ có diện tích tự nhiên khoảng 15,3 nghìn km<sup>2</sup>, nằm giữa hai bộ phận lãnh thổ là Đồng bằng sông Hồng và vùng núi Đông Bắc với 3 cực phát triển (Hà Nội – Hải Phòng- Quảng Ninh), vị trí này đã tạo ra lợi thế so sánh mang ý nghĩa quốc gia và khu vực, cũng như đảm nhận vị trí quan trọng trong việc bảo vệ quốc phòng - an ninh.

#### ***3.1.2. Kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ***

##### ***3.1.2.1. Dân số, đô thị hoá***

Vùng KTTĐ Bắc bộ có mật độ dân và tốc độ đi thị hóa cao. Dòng di dân ngày càng lớn trong vùng từ nông thôn, cũng như từ các tỉnh khác đã tạo ra áp lực rất mạnh đối với Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động trên vùng KTTĐ Bắc bộ. Hệ quả là đã gây áp lực rất lớn đối với ASXH, bảo đảm cuộc sống (sinh kế, thu nhập) của người dân trong vùng KTTĐ Bắc bộ.

##### ***3.1.2.2. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế***

Trong giai đoạn 2010-2021, vùng KTTĐ Bắc bộ tăng trưởng nhanh hơn bình quân cả nước, tạo ra một cực tăng trưởng mạnh, nhất là đẩy mạnh xuất khẩu, tạo việc làm bền vững. Nhờ phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quy mô GRDP của vùng KTTĐ Bắc bộ theo ngành và theo các tỉnh/thành của vùng đều tăng.

### **3.2. Thực trạng an sinh xã hội trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ**

Trong điều kiện kinh tế tăng trưởng đạt tốc độ khá cao, thực hiện đô thị hoá mạnh, công tác ASXH của vùng KTTĐ Bắc bộ được cải thiện rõ rệt. Cụ thể như sau:

#### ***3.2.1. Bảo hiểm trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ***

Trong thực thi chính sách bảo hiểm (BHXH, BHYT và BHTN), vùng KTTĐ Bắc bộ đã đạt được nhưng kết quả đáng ghi nhận, tỷ lệ bao phủ tăng. Tuy nhiên, quỹ BHXH có khả năng mất an toàn do chịu tác động bên ngoài như tình hình dịch bệnh đặc biệt là đợt dịch COVID-19 vừa qua đã khiến nhiều người lao động rút BHXH một lần ảnh hưởng đến sự an toàn của Quỹ.

#### ***3.2.2. Lao động và việc làm trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ***

##### ***3.2.2.1. Lao động***

Vùng KTTĐ Bắc bộ đã thu hút nhiều lao động có tay nghề cao trong nền kinh tế và xác lập được cơ cấu kinh tế thích hợp, tạo ra sức tăng trưởng. Sự dịch chuyển lao động giữa các địa phương do lao động luôn tìm đến vùng có sự phát triển hơn. Điều này khiến cho một số địa phương trong vùng không đáp ứng đủ lao động.



### *3.2.2.2. Việc làm*

Ưu thế của vùng KTTĐ Bắc bộ là có nguồn nhân lực dồi dào, trình độ dân trí cao, tập trung đội ngũ tri thức giỏi, kỹ sư lành nghề, nhân dân có truyền thống lao động cần cù sáng tạo. Do đó, trên vùng KTTĐ Bắc bộ có nhiều cơ hội tạo thêm việc làm và thu nhập vững chắc cho người lao động và gia đình họ. Song vẫn còn tình trạng thất nghiệp gia tăng, người lao động có xu hướng mất việc tạm thời hoặc chuyển đổi công việc đặc biệt trong những ngành chịu ảnh hưởng tiêu cực mạnh của COVID-19

### **3.2.3. Trợ giúp xã hội và giảm nghèo trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ**

#### *3.2.3.1. Trợ giúp xã hội*

*TGXH tuy có rất nhiều thành công, và phát huy tác dụng lớn khi nền kinh tế gặp khủng hoảng, nhưng việc quản lý sử dụng nguồn TGXH cũng là vấn đề đặt ra.*

#### *3.2.3.2. Giảm nghèo*

Vùng KTTĐ Bắc bộ là vùng có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất cả nước.

#### *3.2.4. Các dịch vụ xã hội cơ bản trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ*

Hệ thống các DVXHCB trong ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ được chú trọng đầu tư, phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng.

#### *3.2.4.1. Về Giáo dục, đào tạo*

Vùng KTTĐ Bắc bộ có 4.118 cơ sở đào tạo từ giáo dục mầm non đến đại học. Đây cũng là vùng có số lượng trường đại học và sinh viên lớn nhất so với các vùng KTTĐ khác. Nhưng vẫn còn hạn chế về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

#### *3.2.4.2. Về y tế*

Góp phần thực hiện mục tiêu ASXH, y tế các tỉnh trong vùng KTTĐ Bắc bộ cũng đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Song vẫn còn tình trạng quá tải tại các bệnh viện lớn.

#### *3.2.4.3. Về nhà ở*

Trong 12 năm 2010-2022, điều kiện nhà ở nói chung và nhà ở kiên cố của vùng KTTĐ Bắc bộ đã được cải thiện, đạt mức 20-25-30 m<sup>2</sup>/người. Tuy nhiên tỷ lệ nhà ở chưa đáp ứng kịp tốc độ tăng dân số, vẫn còn nhà ở tạm cư, nhà ở xã hội thiếu thốn.

#### *3.2.4.4. Về nước sạch và vệ sinh môi trường*

Việc hỗ trợ công trình nước sinh hoạt theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 và Quyết định số 2085/QĐ-Ttg ngày 31/10/2016 trên toàn vùng KTTĐ Bắc bộ đã giúp các hộ dân được tiếp cận và sử dụng nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Tuy nhiên vẫn thiếu kịp thời và vấn đề vệ sinh môi trường khu dân sinh gần khu công nghiệp vẫn còn khó khăn.

### 3.2.4.5. Về thông tin truyền thông

Hệ thống thông tin truyền thông đã rút ngắn khoảng cách về bảo đảm tiếp cận thông tin của nhân dân trong vùng KTTĐ Bắc bộ tuy nhiên vùng sâu vùng xa vẫn còn hạn chế.

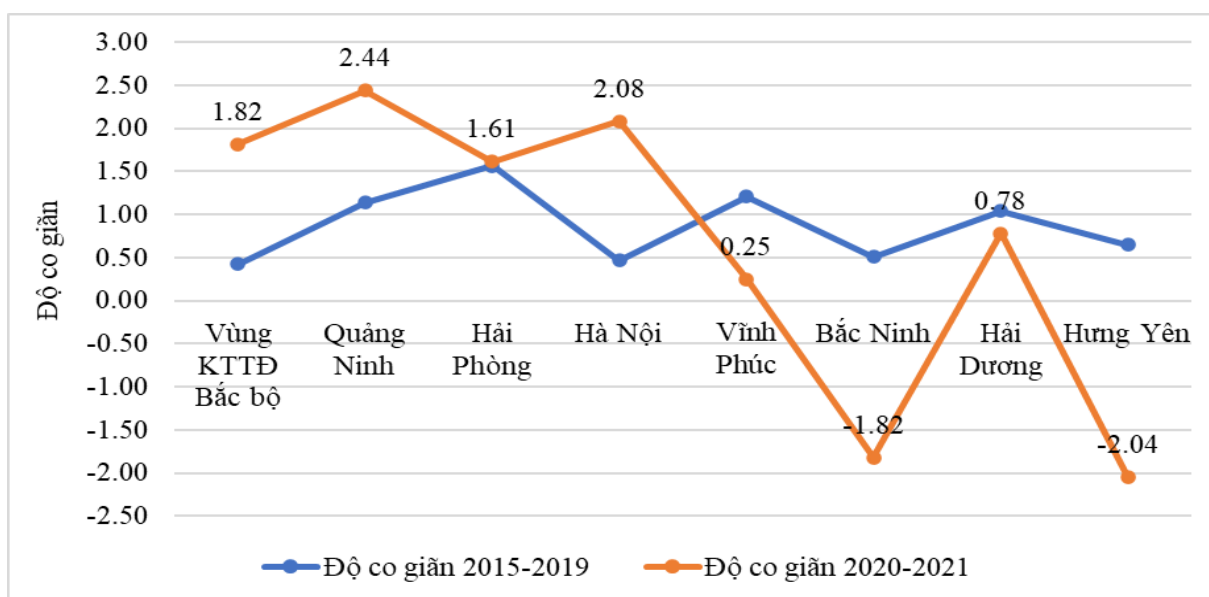
### 3.2.5. Ưu đãi xã hội trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ

Số lượng người có công trên vùng KTTĐ có xu hướng giảm dần. Đời sống của người có công ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, mức chi cho trợ cấp và phụ cấp cùng các chế độ ưu đãi NCCVCM hãy còn tương đối thấp. Bên cạnh đó, việc lưu giữ giấy tờ gốc, tìm kiếm người xác minh, người làm chứng theo quy định còn nhiều trở ngại.

## 3.3. Một số tương quan giữa an sinh xã hội và tăng trưởng kinh tế trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ

### 3.3.1. Bảo hiểm và tăng trưởng kinh tế

Quy mô chi bảo hiểm các loại và tương quan với TTKT cùng kỳ, tác động tích cực tới tỷ lệ bao phủ và tổng chi cho bảo hiểm với TTKT trên vùng KTTĐ Bắc bộ và các địa phương.



Độ co giãn TTKT và bảo hiểm cho thấy, bảo hiểm tác động tích cực đến TTKT trong giai đoạn trước COVID-19 nhưng sau COVID-19 (giai đoạn 2020-2021) thì đã giảm xuống do TTKT chững lại và chi cho BH tăng lên quá nhanh. Điều này thể hiện rõ nhất ở một số địa phương như Bắc Ninh và Hưng Yên.

### 3.3.2. Lao động việc làm và tăng trưởng kinh tế

Vùng KTTĐ Bắc bộ dẫn đầu cả nước về tăng NSLĐ, yếu tố cốt lõi quyết định quy mô và chất lượng TTKT của các vùng KTTĐ.

Thu nhập bình quân của vùng KTTĐ cao hơn cả nước 10% (năm 2010) đã tăng lên 20% (năm 2020). Số lao động tăng thêm đi đôi với thay đổi cơ cấu lao động và tăng mạnh chất lượng lao động trong vùng KTTĐ Bắc bộ. Do đó, thu nhập của người lao động và gia đình trên vùng KTTĐ Bắc bộ được cải thiện.

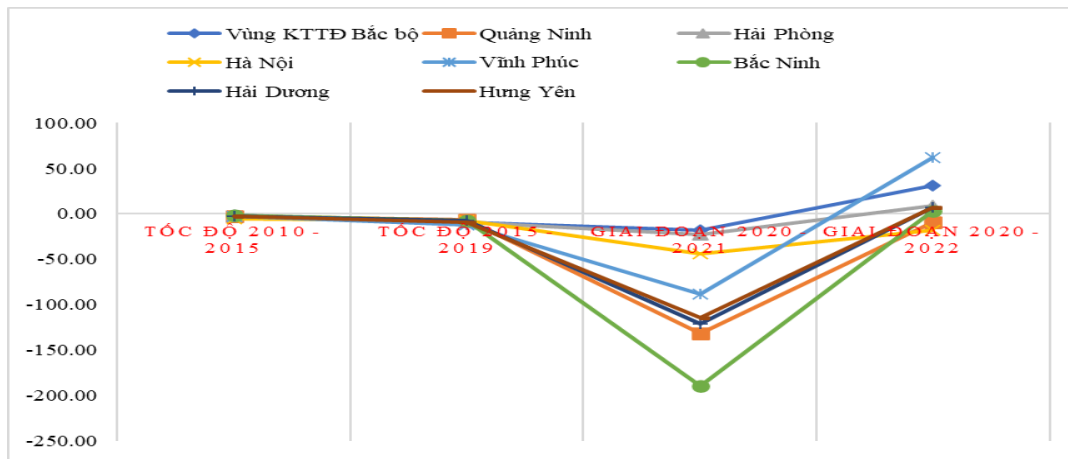
**Bảng 3.20. Hệ số GINI năm 2010-2021**

	2010	2012	2014	2016	2018	2020	2021
Cả nước	0,433	0,424	0,430	0,431	0,425	0,375	0,374
Đồng bằng Sông Hồng	0,408	0,393	0,407	0,401	0,387	0,317	0,327
Vùng KTTĐ Bắc bộ	0,365	0,341	0,303	0,325	0,308	0,263	0,296

Thu nhập cao tạo điều kiện để phân phối thu nhập hợp lý và thực hiện giảm nghèo bền vững, với chỉ số GINI giảm dần, năm 2020 đạt mức dưới 40%. GINI của vùng KTTĐ Bắc bộ có chiều hướng giảm, từ 0,325 năm 2016 về 0,263 năm 2020. Tuy GINI năm 2014 chỉ có 0,303 đã tăng lên 0,325 năm 2016, do quy luật thu nhập tăng không đều: khi tăng nhanh thu nhập thì giai đoạn đầu, tăng nhiều nhất thu nhập của người thu nhập cao. Việc tái phân bổ thu nhập qua quỹ ASXH cũng chưa thể làm ngay vì có độ trễ. Năm 2021 vùng KTTĐ Bắc bộ vẫn có nhiều chuyển biến tích cực, mặc dù có tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19.

### **3.3.3. Giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế**

Độ co giãn TTKT và giảm nghèo tại vùng KTTĐ Bắc bộ có sự biến động theo giai đoạn: giai đoạn 2010-2021 độ co giãn đều vượt -1, thể hiện giảm nghèo thay đổi ngày càng tích cực tới tăng trưởng, tuy nhiên, đến giai đoạn 2021 - 2022 thì hệ số co giãn lại dương. Do tốc độ TTKT tăng đều qua các năm nhưng 2010-2015 tốc độ giảm nghèo khá nhiều, đến giai đoạn 2015-2019 thì tốc độ giảm nghèo giảm hơn nhưng vẫn còn khá lớn, còn giai đoạn 2020-2021 thì tốc độ giảm nghèo còn rất thấp (vì tỷ lệ hộ nghèo đã tiệm cận về 0 ở vùng KTTĐ Bắc bộ). Tuy nhiên, đến giai đoạn 2021 - 2022 thì do đại dịch COVID-19 tốc độ giảm nghèo lại có xu hướng tăng lên nên giai đoạn này hệ số co giãn dương. Như vậy, giảm nghèo và TTKT có mối tương quan với nhau, bên cạnh đó giảm nghèo còn phụ thuộc vào một số yếu tố khác như các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình lồng ghép hay sự hỗ trợ trực tiếp của các cấp chính quyền. Đó cũng phần nào lý giải, tại sao vùng KTTĐ Bắc bộ là vùng có kinh tế phát triển bậc nhất cả nước, có điều kiện để thực hiện ASXH nhưng vẫn còn tồn tại những hộ nghèo và hộ cận nghèo.



### 3.4. Các nhân tố ảnh hưởng tới an sinh xã hội trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ

- (1) Mô hình phát triển và thể chế trên vùng KTTĐ Bắc bộ
- (2) Nguồn lực tài chính trên vùng KTTĐ Bắc bộ
- (3) Con người trên vùng vùng KTTĐ Bắc bộ
- (4) Công nghệ và sự phối hợp trong quản lý trên vùng vùng KTTĐ Bắc bộ
- (5) Điều kiện tự nhiên - xã hội trên vùng KTTĐ Bắc bộ
- (6) Bối cảnh mới trên vùng vùng KTTĐ Bắc bộ

### 3.5. Đánh giá chung về thực trạng an sinh xã hội trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ

#### 3.5.1. Những kết quả đạt được

Một là, thực thi chính sách ASXH trong cả 5 thành tố đều đạt những kết quả cao đáng ghi nhận, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân ở mức cao hơn trung bình cả nước:

- (1) Đẩy mạnh công tác BH, tăng cường tỷ lệ người tham gia và các nguồn tham gia đóng BH ngày càng tăng, có độ co giãn lớn;
- (2) Thu hút lao động, tạo việc làm, tỷ lệ đào tạo tay nghề cao gấp 2 lần cả nước, cùng với thu hút lao động bên ngoài (trong vào ngoài nước) đã làm cho NSLĐ của vùng KTTĐ Bắc bộ tăng cao;
- (3) BTXH và giảm nghèo đa chiều: Vùng KTTĐ Bắc bộ đạt thành tựu giảm nghèo đa chiều còn dưới 1%, nếu kể cả cận nghèo chỉ là 2% dân số;
- (4) Các DVXHCN của vùng đạt kết quả cao nhất cả nước;
- (5) Công tác đền ơn đáp nghĩa đạt kết quả cao.

Hai là, TTKT là điều kiện để thực thi chính sách ASXH, bằng nhiều nguồn lực khác nhau, đảm bảo không để ai bị “bỏ lại phía sau” trong quá trình phát triển.

#### 3.5.2. Một số hạn chế và nguyên nhân

##### 3.5.2.1. Một số hạn chế

*Thứ nhất, về bảo hiểm:* hạn chế lớn nhất trong vấn đề bảo hiểm là Quỹ bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN) đều xảy ra tình trạng thu không đủ chi, các năm đều có sự thâm hụt lớn. Trong đại dịch COVID-19 BHYT và BHTN gặp nhiều khó khăn.

*Thứ hai, về lao động và việc làm:* Đại dịch COVID-19 xảy ra khiến một lượng lớn lao động mất việc làm do nhiều doanh nghiệp đóng cửa vì phá sản. Cùng với đó, việc làm luôn là vấn đề đặt ra.

*Thứ ba, về TGXH và giảm nghèo:* Các hoạt động xã hội hóa về TGXH này thường không được thống kê, tổng hợp và báo cáo đầy đủ. Tỷ lệ giảm nghèo tuy có giảm nhưng không bền vững, tỷ lệ tái nghèo vẫn xảy ra cho dù ở các tỉnh có nền kinh tế tương đối phát triển, có sự chênh lệch giàu nghèo trong vùng.

*Thứ tư, về các dịch vụ xã hội cơ bản:* trên vùng KTTĐ Bắc bộ tiếp cận các DVXHCB vẫn còn gặp những khó khăn nhất định về cả giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin,...

*Thứ năm, về ưu đãi xã hội:* mức chi cho trợ cấp và phụ cấp cùng các chế độ ưu đãi NCCVCM hãy còn tương đối thấp. Bên cạnh đó, việc lưu giữ giấy tờ gốc, tìm kiếm người xác minh, người làm chứng theo quy định còn nhiều trở ngại.

#### *3.5.2.2. Nguyên nhân của hạn chế*

*Một là,* trong giai đoạn 2010-2022, về cơ bản nước ta nói chung và vùng KTTĐ Bắc bộ nói riêng vẫn đi theo mô hình tăng trưởng theo chiều rộng. Việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu đã được đặt ra nhưng chưa được thực hiện triệt để, đảm bảo ASXH tại vùng KTTĐ Bắc bộ.

*Hai là,* hệ thống pháp luật liên quan đến ASXH còn nhiều hạn chế. Đặc biệt, chưa có thể chế và các quy chế về ASXH cho riêng vùng KTTĐ Bắc bộ.

*Ba là,* ngân sách thực hiện ASXH vẫn còn hạn chế. Nguồn lực đầu tư cho ASXH chủ yếu là từ nguồn hỗ trợ của ngân sách nhà nước, còn dài trái ở nhiều Chương trình nên hiệu quả chưa cao, chưa thu hút được nhiều nguồn lực từ hoạt động xã hội hóa tham gia thực hiện công tác ASXH.

*Bốn là,* việc cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao đang gặp khó khăn gây sức ép cho ASXH.

*Năm là,* sự phối hợp giữa các ngành và địa phương trong vấn đề ASXH chưa chặt chẽ. Kinh tế trong vùng còn chưa tận dụng được các tiềm năng lợi thế, nhất là thiếu phối hợp để tạo nên sức mạnh tổng hợp, tích hợp các nỗ lực riêng lẻ.

*Sáu là,* tiếp cận dữ liệu và số liệu về ASXH gặp nhiều khó khăn. Số liệu về ASXH hãy còn chưa được cập nhật đầy đủ.

## **CHƯƠNG 4. QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG AN SINH XÃ HỘI TRÊN VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM**

### **4.1. Bối cảnh mới tác động đến an sinh xã hội trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ**

Trong thời gian tới, có rất nhiều yếu tố trong bối cảnh mới ảnh hưởng đến ASXH, cụ thể như sau:

#### ***4.1.1. Biến đổi khí hậu, thiên tai và dịch bệnh***

##### ***4.1.1.1. Tình trạng biến đổi khí hậu và thiên tai***

Tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu, thiên tai... đang làm tăng thêm rủi ro với người dân trong vùng, ảnh hưởng đến giảm nghèo đa chiều, tác động tiêu cực đối với các tầng lớp cư dân trên vùng KTTĐ Bắc bộ, đòi hỏi việc thực thi ASXH trong vùng cần có bước phát triển thích ứng linh hoạt.

##### ***4.1.1.2. Dịch bệnh***

Dịch bệnh là vấn đề không thể xem thường. Từ cuối năm 2019, đại dịch COVID-19 đã bùng phát trên thế giới và từ đầu năm 2020 đã ghi nhận tại vùng KTTĐ Bắc bộ, Đại dịch COVID-19 làm cho tình hình KTXH vùng KTTĐ Bắc bộ thêm khó khăn, kinh tế giảm sút tăng trưởng với quy mô lớn nhất trong 20 năm qua.

#### ***4.1.2. Toàn cầu hóa và hội nhập***

Đối với vùng KTTĐ Bắc bộ, xu hướng hội nhập kinh tế có tác động mạnh đến nhiều mặt như mở rộng thị trường thương mại, đầu tư, thu hút nguồn lao động có tay nghề cao, thực hiện chuyển giao công nghệ,... Những tác động này đang hỗ trợ tích cực quá trình phát triển của vùng KTTĐ Bắc bộ như một vùng phát triển năng động bậc nhất cả nước.

#### ***4.1.3. Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số***

Cách mạng công nghiệp 4.0 cùng với tác động của đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đã và đang tạo thêm động lực mới cho quá trình phát triển nhanh và bền vững trên vùng KTTĐ Bắc bộ. Việc ứng dụng kinh tế số trên vùng KTTĐ Bắc bộ cũng làm tăng hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước, tăng thêm tính công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình, cuối cùng cũng tác động tích cực đến cả kinh tế và ASXH.

#### ***4.1.4. Xung đột địa chính trị toàn cầu***

Điều kiện xung đột chính trị như trên đã tác động đến phát triển kinh tế, thực thi ASXH ở nước ta và trên vùng KTTĐ Bắc bộ. Xung đột chính trị, cấm vận và đe dọa cấm vận, gây khó khăn cho lưu chuyển hàng hóa đã làm tăng chi phí sản xuất, giảm cầu, kể cả nguyên liệu, bán thành phẩm và sản phẩm công nghiệp chế tạo.

#### ***4.1.5. Yêu cầu trong việc phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ trong thời gian tới***

- (1) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng KTTĐ Bắc bộ
- (2) Tăng trưởng kinh tế tương tác đa chiều với việc thực thi các chính sách và chương trình an sinh xã hội trên vùng KTTĐ Bắc bộ

#### **4.2. Quan điểm mới về an sinh xã hội trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ trong thời gian tới**

- (1) Quan điểm phù hợp với mô hình phát triển của quốc gia
- (2) Quan điểm bao trùm, nâng cao chất lượng thực thi toàn diện các chính sách và chương trình an sinh xã hội
- (3) Quan điểm lấy con người làm trung tâm trong thực thi chính sách an sinh xã hội gắn với tăng trưởng kinh tế

#### **4.3. Phân tích ma trận SWOT về an sinh xã hội trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ**

Luận án tích theo mô hình SWOT để thấy rõ điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ.

#### **4.4. Một số giải pháp nhằm tăng cường đảm bảo an sinh xã hội trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ**

##### ***4.4.1 Một số giải pháp chung***

- (1) Đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế góp phần đảm bảo ASXH trên vùng
- (2) Hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan tới an sinh xã hội trên vùng KTTĐ Bắc bộ
- (3) Tăng cường nguồn lực tài chính cho ASXH
- (4) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
- (5) Tăng cường phối hợp giữa các địa phương trong vùng
- (6) Hình thành cơ sở dữ liệu số hóa về an sinh xã hội

##### ***4.4.2. Nhóm các giải pháp cụ thể với 5 thành tố của an sinh xã hội***

###### ***(1) Giải pháp về bảo hiểm***

Để cải thiện tình trạng thâm hụt Quỹ bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN), cần triển khai các giải pháp đồng bộ: tăng cường quản lý và giám sát quỹ, ứng dụng công nghệ để minh bạch hóa dữ liệu; mở rộng đối tượng tham gia và cân nhắc tăng tỷ lệ đóng góp để tăng nguồn thu; cải thiện hiệu quả chi bằng cách đầu tư vào dịch vụ y tế và các chương trình phòng ngừa; cần có chính sách hỗ trợ cho người cao tuổi và khuyến khích người lao động kéo dài thời gian làm việc; hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp và học hỏi kinh nghiệm quốc tế sẽ giúp ổn định và duy trì an toàn cho các quỹ bảo hiểm trong tương lai; đẩy mạnh công

tác tuyên truyền vận động người dân và người lao động trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia đóng bảo hiểm; xây dựng cơ sở dữ liệu cụ thể về BHXH, BHYT và BHTN, cần từng bước chia sẻ với các địa phương trong và ngoài vùng, thực hiện công khai minh bạch.

### *(2) Giải pháp về lao động, việc làm*

Các địa phương trong vùng cần cải thiện môi trường đầu tư và phát triển hạ tầng để thu hút lao động và giữ chân họ, đồng thời thiết lập hệ thống thông tin thị trường lao động để cung cấp dữ liệu về nhu cầu và xu hướng, từ đó xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo nghề linh hoạt.

Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và tổ chức xã hội để tạo ra một hệ sinh thái lao động bền vững, giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của biến động lao động và bảo đảm ASXH cho người dân. Hoàn thiện nhanh chóng các quy chế lao động, việc làm gắn với đặc thù vùng KTTĐ Bắc bộ theo quy định linh hoạt, không trái Bộ Luật lao động, gắn với phát triển thị trường lao động thích hợp với bối cảnh mới.

### *(3) Giải pháp về trợ giúp xã hội và giảm nghèo*

Về TGXH: Cần có sự gắn kết tốt hơn giữa TTKT với TGXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ, giúp người dân có thêm điều kiện ứng phó với các tác nhân bên ngoài như thiên tai, dịch bệnh... Cần tăng cường nguồn ngân sách, nhất là nguồn ngoài ngân sách cho TGXH. Các chương trình trợ giúp theo hướng linh hoạt.

Về giảm nghèo: thực hiện giảm nghèo đa chiều, triển khai hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo hướng toàn diện, bao trùm, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau. Thực hiện giảm nghèo đa chiều với định mức được nâng cao theo từng bước của TTKT trên vùng KTTĐ Bắc bộ.

### *(4) Nhóm giải pháp về các dịch vụ xã hội cơ bản*

Để khắc phục các hạn chế trong các DVXHCB ở vùng KTTĐBB, cần thực hiện các giải pháp đồng bộ, phát triển các DVXBCB theo hướng chuyên nghiệp ở tất cả các lĩnh vực: giáo dục – đào tạo; y tế; nhà ở; nước sạch và môi trường; thông tin truyền thông; giao thông; văn hóa; thể dục – thể thao.

### *(5) Giải pháp về ưu đãi xã hội*

Để cải thiện mức chi trợ cấp và phụ cấp cho NCCVCM và khắc phục khó khăn trong quy trình xác minh, cần tăng cường ngân sách hỗ trợ, bảo đảm mức trợ cấp xứng đáng. Bên cạnh đó, nên số hóa hồ sơ để đơn giản hóa quy trình xác minh, giúp dễ dàng tìm kiếm thông tin. Đồng thời, cần tổ chức đào tạo cho cán bộ làm công tác xác minh để nâng cao hiệu quả công việc.



## KẾT LUẬN

Trong bối cảnh mới, trước những thuận lợi và khó khăn của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, ASXH trong bối cảnh mới đối diện với các cuộc khủng hoảng về xung đột, thiên tai dịch bệnh, biến đổi khí hậu diễn ra thì càng nhận thấy rõ sự cần thiết phải có một hệ thống ASXH.

Mục tiêu của phát triển kinh tế là đảm bảo ASXH từ đó cải thiện điều kiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, hướng tới mục tiêu của phát triển bền vững “không bỏ ai lại phía sau”. Dưới góc nhìn của kinh tế phát triển, ASXH và TTKT có mối quan hệ mật thiết với nhau. Cùng với tiến trình phát triển kinh tế, ASXH trở thành chỗ dựa vững chắc cho mọi người dân, đảm bảo cho xã hội phát triển hài hoà, phát triển kinh tế đi liền với phát triển ASXH làm cho cuộc sống người dân ngày càng ổn định, ấm no, hạnh phúc. TTKT làm cho đời sống của người dân được đảm bảo, được thụ hưởng những thành quả của nền kinh tế mang lại. Ngược lại, khi người dân được đảm bảo về ASXH sẽ phấn đấu phát triển cho bản thân và góp phần làm cho nền kinh tế phát triển bền vững hơn.

Sau hơn 35 năm đổi mới, ASXH ở Việt Nam nói chung và ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ nói riêng đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Song bên cạnh đó vẫn còn những tồn tại và hạn chế nhất định.

Qua nghiên cứu đề tài luận án về “*An sinh xã hội trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ*”, NCS đã giải đáp các câu hỏi nghiên cứu ở phần mở đầu:

*Một là*, về lý luận và kinh nghiệm quốc tế: Hệ thống hóa, luận giải và xây dựng cơ sở lý luận về ASXH, gồm: lý luận ASXH và vùng KTTĐ; Mối quan hệ của ASXH và TTKT; Các tiêu chí đánh giá mối quan hệ giữa ASXH và TTKT. Các nhân tố ảnh hưởng tới ASXH; Phân tích, tổng hợp kinh nghiệm thực thi ASXH vùng của một số nước trên thế giới như Trung Quốc, Thái Lan và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

*Hai là*, về thực trạng ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ: Luận án đã phân tích thực trạng ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ qua 5 thành tố và mối quan hệ giữa ASXH và TTKT trong giai đoạn 2010-2020 và thời gian qua như một cực tăng trưởng; Đánh giá thực trạng ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ, xác định những kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân cũng như các nhân tố tác động tới ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ.

*Ba là*, về quan điểm và giải pháp tăng cường ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ: Luận án đã phân tích về bối cảnh mới; Luận án đã phân tích SWOT để thấy rõ điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ để từ đó có những định hướng nhóm giải pháp chung cho ASXH và 5 giải pháp cụ thể tương ứng với 5 thành tố của ASXH trên vùng KTTĐ Bắc bộ.

- Về hạn chế của luận án:

Mặc dù nghiên cứu đã được thực hiện với sự nỗ lực cùng với thái độ cầu thị cao, nhưng luận án không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Thứ nhất là khó khăn về số liệu nên có những Bảng chưa được cập nhật mới nhất do thời gian dịch bệnh COVID-19 có những biến động khách quan và hạn chế về thông tin, tài liệu từ NGTK cũng như các nguồn khác, nhất là về TGXH và UĐXH Thứ hai là ASXH có nội hàm rất rộng và chưa có những khái niệm chung chính thức, cấu trúc cũng mang tính tương đối nên trong phạm vi luận án có thể sẽ không tránh được những thiếu sót khi phân tích.

- Về hướng nghiên cứu tiếp theo:

Luận án của NCS đã thực hiện một bước nhỏ về hoàn thiện, cập nhật khuôn khổ lý thuyết, phân tích thực tiễn ASXH trong một vùng kinh tế năng động bậc nhất cả nước (cực tăng trưởng) dưới góc nhìn của kinh tế phát triển, nhưng đòi hỏi cần có thêm các nghiên cứu cả lý thuyết và phân tích thực tiễn sâu hơn trên các địa bàn khác nhau.

Thông qua luận án này, để tiếp tục hoàn thiện thêm trên cơ sở những nội dung đã tìm hiểu, nghiên cứu trong luận án, những nội dung cần được quan tâm đào sâu nghiên cứu, NCS đề nghị tiếp tục nghiên cứu theo 3 nhóm vấn đề gồm:

(1) Nghiên cứu hoàn thiện quan điểm về ASXH toàn diện.

(2) Nghiên cứu thực thi chính sách ASXH trên các khu vực lãnh thổ điển hình.

(3) Nghiên cứu hệ thống định hướng và giải pháp tăng cường đảm bảo ASXH trong bối cảnh mới.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. **Nguyen Hong Nhung**, Nguyen Thi Hong Trang (2022), *Social Security under Impacts of the COVID-19 in the Period of 2020-2022 and Projected Prospects in the New Context (Analysis of the Case of Vietnam and It's Key Economic Region)*, 45th Conference of the Federation of ASEAN Economic Associations, 25-26/11/2022, Ha Noi, Viet Nam.

2. Nguyen Quang Thai, **Nguyen Hong Nhung** (2021, 2022), “*Social security in the new condition: Some conceptual issues and reality in Vietnam's focal northern economic region*”, Vietnam' socio-economic development, Vol 26, December 2021, pp 73-80; Vol 27, March 2022, pp.64-86.

3. Nguyễn Quang Thái, **Nguyễn Hồng Nhung** (2021), “*Góp phần hoàn thiện lý luận về an sinh xã hội tại Việt Nam*”, Tạp chí khoa học Quản lý và Công nghệ (Số 19 Quý 4/2021), trang 1-5.

4. **Nguyễn Hồng Nhung** (2019), “*Phân tích tương quan giữa an sinh xã hội và phát triển kinh tế tại vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ*”, Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (Số 545, tháng 7/2019), trang 34-36.

5. **Nguyễn Hồng Nhung** (2018), “*Cùng với chỉ số nghèo đa chiều, chỉ số phát triển hài hòa IDI là một thước đo tốt*”, Kỷ yếu hội thảo Kinh tế quốc dân: Môi quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng, vấn đề và định hướng chính sách (Bắc Ninh, tháng 12/2018).

6. **Nguyễn Hồng Nhung** (2018), “*Nâng cao năng lực cạnh tranh của các vùng kinh tế trọng điểm như khâu đột phá*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế: Thực trạng, tiềm năng và thách thức (TP Hồ Chí Minh, tháng 11/2018) tr 73 – 87.

7. **Nguyen Hong Nhung** (2018), “*Economic Growth Economic Growth and Social security in GMS countries and lessons for Vietnam*”, 43rd Conference of the Federation of ASEAN Economic Associations, 09-10/11/2018, Quezon City, The Phillipines.

8. **Nguyễn Hồng Nhung** (2017), “*Một số vấn đề chính sách bảo trợ xã hội ở tỉnh Quảng Ninh*”, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (Số 507 – 12/2017), tr. 25 – 27.